

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI LẠI TỐT NGHIỆP - NĂM 2022
LỚP CĐ. THANH NHẠC - HỆ CHÍNH QUY

TT	LỚP	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Thi lại Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	K25	19CTN29	DƯƠNG TRUNG	HIẾU	Nam	11/09/2000	Bình Định	7.3-Khá	7.6-Khá	7.3	3	5	6	9	7.6	Khá	
2	K25	19CTN45	NGUYỄN TÂN	KHÁNH	Nam	01/02/1996	Bình Thuận	7.0-Khá	7.6-Khá	7.5	3	5	6	10	8.1	Khá	
3	K25	19CTN48	TRẦN MINH	KHUÔNG	Nam	09/03/2001	Cần Thơ	7.2-Khá	9.4-Xuất sắc	8.1	3	7	6	10	8.4	Khá	
4	K25	19CTN56	NGUYỄN NGỌC	LĨNH	Nam	15/02/2000	Đà Nẵng	7.0-Khá	7.8-Khá	8.2	3	6	5	9	8.0	Khá	
5	K25	19CTN57	PHAN THỊ KIM	LOAN	Nữ	21/12/1999	Bình Phước	7.0-Khá	8.8-Giỏi	8.2	2	6	5	10	8.2	Khá	
6	K25	19CTN71	NGUYỄN THANH	NGHĨA	Nam	14/4/1996	Bến Tre	7.1-Khá	8.9-Giỏi	9.0	3	6	7	10	9.0	Khá	
7	K25	19CTN98	NGUYỄN MINH	SANG	Nam	25/12/1999	Bình Định	Miễn	8.8-Giỏi	7.7	2	5	6	10	8.2	Khá	
8	K25	19CTN110	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	28/06/1999	TPHCM	6.2-TB.Khá	7.1-Khá	8.0	2	5	6	10	8.3	Khá	
9	K25	19CTN112	NGUYỄN NHƯ	THẢO	Nữ	18/02/2001	Đồng Tháp	6.3-TB.Khá	7.0-Khá	7.7	2	5	5	9	7.7	Khá	
10	K25	19CTN121	DIỆP THỊ LAN	TIỀN	Nữ	15/07/2001	Trà Vinh	6.0-TB.Khá	7.3-Khá	7.6	1	5	6	9	7.8	Khá	
11	K25	19CTN122	ĐOÀN TRẦN GIÁNG	TIỀN	Nữ	26/10/2000	Bình Phước	6.3-TB.Khá	7.7-Khá	7.5	4	6	6	10	8.1	Khá	
12	K25	19CTN124	HUỖNH HOÀNG TRUNG	TÍN	Nam	26/11/1997	An Giang	6.2-TB.Khá	8.8-Giỏi	8.4	3	6	8	9	8.6	Khá	
13	K25	19CTN129	VÕ THỊ	TRINH	Nữ	23/05/2001	Nghệ An	5.8-T.Bình	7.9-Khá	7.9	1	5	6	10	8.3	Khá	
14	K25	19CTN130	NGUYỄN MINH	TRỌNG	Nam	09/08/2001	TPHCM	7.2-Khá	9.2-Xuất sắc	8.3	2	6	6	10	8.5	Khá	
15	K25	19CTN134	LƯU NHẬT	TRƯỜNG	Nam	30/04/2001	Bình Thuận	6.2-TB.Khá	7.4-Khá	7.1	3	6	6	9	7.5	Khá	
16	K25	19CTN145	HUỖNH THẢO	VY	Nữ	05/04/2001	Quảng Nam	6.4-TB.Khá	8.8-Giỏi	7.6	2	5	7	9	8.0	Khá	

TT	LỚP	MSSV	HỌ TÊN SINH VIÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GDQP-AN	GDTC	Điểm trung bình chung toàn khóa học (3)	Chính trị	Thi lại Chính trị	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp (1)	Thực hành nghề nghiệp (2)	Điểm đánh giá XL tốt nghiệp	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
17	K24	18CTN02	NGUYỄN HOÀNG VŨ	AN	Nam	30/7/1999	Long An	6.8-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.1	3	6	5	10	7.7	Khá	
18	K24	18CTN04	ĐÀO TRẦN NGỌC	ANH	Nữ	30/4/1998	Vĩnh Phúc	6.8-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.7	3	7	7	10	8.4	Khá	
19	K24	18CTN66	TRẦN HỒNG	LIÊN	Nữ	06/4/1997	TPHCM	5.8-Trung bình	6.5-TB.Khá	8.0	1	6	8	10	8.7	Khá	
20	K24	18CTN91	HOÀNG THỊ DIỆU	PHƯƠNG	Nữ	01/01/2000	TT-Huế	6.4-TB.Khá	6.0-TB.Khá	7.4	4		5	10			Không đạt
21	K24	18CTN114	LÊ MINH	THÔNG	Nam	06/01/1997	Đắk Lắk	6.8-TB.Khá	6.5-TB.Khá	7.6	2	5	6	9	7.8	Khá	
22	K24	18CTN129	VÕ THÀNH	TRUNG	Nam	14/10/1997	Đồng Nai	Miễn	Miễn	7.1	3	5	6	8	7.2	Khá	
23	K24	18CTN130	VÕ THÀNH	TRUNG	Nam	15/9/1998	Bình Thuận	5.3-Trung bình	6.5-TB.Khá	7.0	3	7	6	9	7.5	Khá	
24	K24	18CTN131	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	Nữ	28/10/1999	Đắk Lắk	5.0-Trung bình	6.0-TB.Khá	7.0	2	5	5	10	7.7	Khá	

Danh sách: 24

Nam: 13

Nữ: 11

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2022